

Số: 21/2025/QĐST-HNGĐ

Quan Sơn, ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** chị Phạm Thị N - Sinh năm 1998.

Nơi ĐKTT: bản N, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** anh Lương Trung H - Sinh năm 1994.

Nơi ĐKTT: bản N, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 24; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Phạm Thị N và anh Lương Trung H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị N và anh Lương Trung H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Phạm Thị N và anh Lương Trung H thống nhất có hai con chung là Lương Phương T, sinh ngày 24/6/2014 và Lương Minh Q, sinh ngày 03/8/2018. Hai bên thỏa thuận: chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Phương T và Lương Minh Q; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: chị Phạm Thị N và anh Lương Trung H tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Phạm Thị N và anh Lương Trung H thống nhất: chị N chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị N phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0002577, ký hiệu: BLTU/23 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn. Chị N được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS Huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Na Mèo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Trịnh Xuân Tùng